

BỘ NỘI VỤ

Số: 262 /QĐ-BNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Bông Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Bông Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Bông Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Hội thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2011 tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Bông Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Bộ Y tế;
- Bộ Công an (C64);
- Lưu: VT, TCPCP, G.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI BỎNG VIỆT NAM
theo Quyết định số: 262 /QĐ-BNV
ngày 28 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I

TÊN HỘI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH

Điều 1. Tên gọi

1. Tên hội: Hội Bỏng Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnam Society of Burn injuries.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: VSBI.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Bỏng Việt Nam (sau đây gọi là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của công dân Việt Nam làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu, giảng dạy chuyên ngành bỏng trong cả nước, cùng nhau đoàn kết để chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe của nhân dân, góp phần xây dựng nền y học Việt Nam từng bước đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Điều 3. Nguyên tắc, phạm vi hoạt động và địa vị pháp lý

1. Hội Bỏng Việt Nam hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự trang trải kinh phí hoạt động.
2. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước trong lĩnh vực bỏng, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Y tế và các Bộ, ngành có liên quan về lĩnh vực Hội hoạt động. Hội là thành viên của Tổng hội Y học Việt Nam.
3. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, biểu tượng và tài khoản riêng. Trụ sở của Hội đặt tại thành phố Hà Nội.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 4. Nhiệm vụ của Hội

1. Trao đổi kinh nghiệm, tạo điều kiện giúp đỡ các cán bộ chuyên ngành bỏng nâng cao trình độ trong các lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học, huấn luyện và đào tạo về chuyên ngành bỏng góp phần bảo vệ sức khỏe nhân dân theo quy định của pháp luật.
2. Đề xuất, tham gia ý kiến, tư vấn với các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng những chủ trương, chính sách về phát triển ngành bỏng Việt Nam theo quy định của pháp luật.
3. Trao đổi, hợp tác khoa học với các tổ chức trong nước và các tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật.

4. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

Điều 5. Quyền hạn của Hội

1. Đại diện cho các thành viên và hội viên trong các hoạt động có liên quan đến tôn chỉ, mục đích và nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.

2. Bảo vệ danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Triển khai, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, cung cấp dịch vụ đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Xuất bản sách, tạp chí của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và nâng cao trình độ chuyên môn, cung cấp thông tin về chuyên ngành bóng cho hội viên.

6. Được gia nhập hội cùng ngành nghề trong khu vực và thế giới theo quy định của pháp luật.

7. Khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng đối với các tổ chức, hội viên có thành tích trong hoạt động chuyên môn cũng như trong việc thực hiện tôn chỉ, mục đích và nhiệm vụ của Hội.

8. Quyết định xử lý đối với các tổ chức, hội viên vi phạm Điều lệ Hội.

9. Kết nạp và khai trừ hội viên theo quy định của Điều lệ Hội.

Chương III

HỘI VIÊN, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI VIÊN

Điều 6. Hội viên

1. Hội viên chính thức: Công dân Việt Nam là bác sĩ, lương y, điều dưỡng, dược sĩ, cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học, giảng dạy, cán bộ quản lý y tế có liên quan đến chuyên ngành bóng và những người đang làm việc hay đã nghỉ hưu trong chuyên ngành bóng tự nguyện xin gia nhập Hội, chấp hành Điều lệ của Hội đều được xem xét, kết nạp làm hội viên.

2. Hội viên liên kết, hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam có uy tín cao trong xã hội, không có điều kiện hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức, có nhiều đóng góp với chuyên ngành bóng, tán thành Điều lệ Hội, làm đơn xin gia nhập thì được xem xét, công nhận là hội viên liên kết hoặc hội viên danh dự. Hội viên liên kết và hội viên danh dự được Hội vinh danh, có quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức trừ quyền bầu cử, ứng cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và không biểu quyết các vấn đề của Hội.

3. Hội thành viên: Hội Bóng ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập và phê duyệt điều lệ theo quy định của pháp luật, nếu tán thành Điều lệ Hội Bóng Việt Nam, tự nguyện làm đơn xin gia nhập thì được xem xét, kết nạp làm hội thành viên.

Điều 7. Quyền của hội viên

1. Thảo luận và biểu quyết công việc của Hội, bầu và ứng cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra của Hội.
2. Được bồi dưỡng về kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, được khuyến khích phát huy khả năng về mọi mặt để phục vụ nhân dân theo quy định của pháp luật.
3. Được trình bày và báo cáo các đề tài nghiên cứu khoa học của mình trong các buổi sinh hoạt khoa học của Hội.
4. Được Hội đánh giá nhận xét về công trình của mình.
5. Được đăng các công trình nghiên cứu khoa học của mình vào Tạp chí Y học thám họa và bóng của ngành và được nhận miễn phí Tạp chí Y học thám họa và bóng 04 (bốn) số/năm.
6. Được quyền xin ra khỏi Hội.
7. Được hưởng mọi quyền lợi khác trong quyền lợi chung của Hội và được Hội bảo vệ các quyền lợi chính đáng của mình khi bị xâm phạm theo quy định của pháp luật.
8. Được nhận thẻ hội viên.
9. Được cấp những tài liệu liên quan đến chuyên ngành bóng theo khả năng của Hội.

Điều 8. Nghĩa vụ của hội viên

1. Chấp hành Điều lệ Hội, các nghị quyết của Hội và pháp luật, tuyên truyền phát triển hội viên, vận động quần chúng hưởng ứng mọi hoạt động của Hội.
2. Chăm lo xây dựng đoàn kết giúp đỡ nhau trong công tác và đời sống.
3. Tích cực học tập văn hoá chuyên môn và phổ biến kinh nghiệm phòng và chữa bệnh cho nhân dân nhất là việc xử lý, vận dụng các phương pháp chữa bệnh bóng và xử lý bóng bằng y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại để xây dựng ngành bóng Việt Nam hiện đại, dân tộc và đại chúng.
4. Phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, tự hào dân tộc, tính sáng tạo, sẵn sàng cống hiến khả năng, kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ của mình phục vụ nhân dân, kiên quyết đấu tranh chống những tư tưởng và hành động có hại đến uy tín của Hội.
5. Hoạt động chuyên môn phải theo đúng chủ trương, đường lối y học và y tế của Đảng và pháp luật của Nhà nước.
6. Tham gia sinh hoạt Hội và đóng hội phí đầy đủ.
7. Được quyền xin ra khỏi Hội.

Điều 9. Thủ tục vào Hội, ra Hội

1. Các tổ chức và cá nhân Việt Nam có đủ điều kiện quy định trong Điều 6 (sáu), làm đơn xin gia nhập Hội sẽ được công nhận là hội viên.
2. Tư cách hội viên sẽ không còn trong các trường hợp sau:
 - a) Hội viên tự nguyện xin ra khỏi Hội;

b) Hội viên vi phạm pháp luật, đạo đức nghề nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý cấm hành nghề;

c) Hội viên bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Hội.

3. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục vào Hội, ra Hội; quản lý việc cấp phát, sử dụng thẻ hội viên.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 10. Tổ chức của Hội

1. Đại hội đại biểu toàn quốc.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng Hội và các ban chuyên môn.

6. Ban Cố vấn.

7. Các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Đại hội đại biểu toàn quốc

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu toàn quốc (sau đây gọi là Đại hội), nhiệm kỳ 05 (năm) năm do Ban Chấp hành triệu tập. Số lượng đại biểu và tỷ lệ phân bổ đại biểu do Ban Chấp hành quyết định. Trường hợp cần thiết Ban Chấp hành có thể triệu tập Đại hội bất thường khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số uỷ viên Ban Chấp hành hoặc ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội có nhiệm vụ:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ trước và quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Hội trong nhiệm kỳ mới;

b) Thảo luận và thông qua việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Hội (nếu có);

c) Thông qua báo cáo thu, chi tài chính của Hội nhiệm kỳ trước và kế hoạch thu, chi tài chính nhiệm kỳ mới.

d) Quyết định việc gia nhập các tổ chức quốc gia, khu vực và quốc tế có cùng lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

e) Quyết định số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội nhiệm kỳ mới.

3. Nguyên tắc biểu quyết của Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quyết định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội nhất trí thông qua. Riêng trường hợp sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được của quá 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội nhất trí thông qua.

Điều 12. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành do Đại hội bầu ra. Các ủy viên của Ban Chấp hành bao gồm những người có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín, tâm huyết với nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm quản lý, điều hành.

2. Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội, Ban Chấp hành họp mỗi năm 01 (một) lần. Trường hợp cần thiết có thể tổ chức hội nghị Ban Chấp hành bất thường do Chủ tịch Hội triệu tập khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đề nghị.

3. Trong thời gian giữa 02 (hai) nhiệm kỳ Đại hội, nếu thiếu từ 04 (bốn) ủy viên Ban Chấp hành trở lên thì Ban Chấp hành được bầu bổ sung thêm số ủy viên Ban Chấp hành theo số lượng ủy viên đã được Đại hội quyết định. Hình thức bầu bổ sung do Ban Thường vụ quyết định.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành

a) Bầu Ban Thường vụ; bầu bổ sung, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, ủy viên thường vụ; bầu bổ sung hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm ủy viên Ban Chấp hành; giới thiệu danh sách ứng cử Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký Hội khoá mới;

b) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, nghị quyết của Ban Chấp hành;

c) Xây dựng chương trình hoạt động của Ban Chấp hành hàng năm, cả nhiệm kỳ theo nghị quyết Đại hội và tổ chức thực hiện chương trình hoạt động đó;

d) Báo cáo tổng kết hàng năm, xây dựng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu năm sau;

e) Chuẩn bị văn kiện Đại hội, quyết định triệu tập Đại hội nhiệm kỳ và Đại hội bất thường;

g) Lãnh đạo thực hiện Điều lệ Hội;

h) Quản lý hoạt động của Văn phòng Hội, các ban chuyên môn và các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội;

i) Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành;

k) Căn cứ vào yêu cầu của Ban Chấp hành để quyết định mời các thành viên Ban Cố vấn và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Cố vấn;

l) Giới thiệu hội viên tham dự các khoá đào tạo, tập huấn ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật (nếu có);

m) Phát triển mối quan hệ với các tổ chức trong và ngoài nước, góp phần phát triển Hội;

n) Xét khen thưởng hoặc kỷ luật đối với các tập thể, hội viên.

Điều 13. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành. Thành phần Ban Thường vụ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch (trong đó có một Phó Chủ tịch thường trực), Tổng thư ký và một số ủy viên, số lượng ủy viên Ban Thường vụ không quá 1/3 (một phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ của Ban Thường vụ:

a) Thay mặt Ban Chấp hành lãnh đạo việc thực hiện các nghị quyết Đại hội và quyết định của Ban Chấp hành giữa 02 (hai) kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, biên chế của Văn phòng Hội và các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội;

c) Lập kế hoạch, báo cáo hoạt động của Hội theo quy định của Ban Chấp hành, Tổng hội Y học Việt Nam và cơ quan quản lý nhà nước về hội theo quy định của pháp luật;

d) Ban hành quy chế và chỉ đạo hoạt động của Văn phòng Hội;

e) Thông qua quyết định bổ nhiệm các chức danh: Chánh Văn phòng, trưởng các ban chuyên môn, lãnh đạo các tổ chức pháp nhân thuộc Hội;

g) Thông qua các chương trình, dự án hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phát triển Hội và phát triển nghề nghiệp;

h) Giới thiệu đại diện của Hội tham gia các hội đồng hoặc ban chuyên môn do các cấp chính quyền hoặc các tổ chức ban, ngành đề nghị;

i) Ban Thường vụ họp định kỳ 06 (sáu) tháng một lần. Khi cần thiết có thể triệu tập họp bất thường do Chủ tịch Hội quyết định hoặc khi có trên 1/2 (một phần hai) số uỷ viên Ban Thường vụ đề nghị;

k) Khi cần thiết Ban Thường vụ có thể xem xét, quyết định thành lập các pháp nhân thuộc Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật. Các pháp nhân thuộc Hội phải tuân thủ điều lệ của pháp nhân và pháp luật của Nhà nước;

l) Xem xét, quyết định việc kết nạp hội viên và cho hội viên ra khỏi Hội.

Điều 14. Chủ tịch và Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, có nhiệm vụ:

a) Chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; điều hành việc triển khai các nghị quyết của Đại hội, hội nghị Ban Chấp hành và Ban Thường vụ;

b) Quyết định thành lập các ban chuyên môn, các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật; bổ nhiệm, bãi nhiệm lãnh đạo các đơn vị và các ban chuyên môn của Hội;

c) Ký ban hành các quy chế quản lý và hoạt động của Hội;

d) Ký ban hành các nghị quyết sau khi được Đại hội, Ban Chấp hành hoặc Ban Thường vụ thông qua.

2. Phó Chủ tịch:

a) Phó Chủ tịch Hội là người giúp việc cho Chủ tịch Hội, được Chủ tịch Hội phân công phụ trách và điều hành một số mặt hoạt động chuyên môn của Hội;

b) Phó Chủ tịch thường trực giúp Chủ tịch Hội điều hành các hoạt động của hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội và được uỷ quyền điều hành các công việc khi Chủ tịch Hội vắng mặt.

Điều 15. Tổng thư ký

Tổng thư ký là người giúp việc cho Chủ tịch Hội, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Xây dựng quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Văn phòng Hội và các ban chuyên môn của Hội;
2. Viết báo cáo và xây dựng phương hướng hoạt động của Hội trong các kỳ họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Đại hội nhiệm kỳ;
3. Báo cáo định kỳ, báo cáo hàng năm về hoạt động của Hội cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
4. Làm thư ký trong các kỳ họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.
5. Có nhiệm vụ lưu trữ và cập nhật danh sách hội viên.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra do Đại hội bầu ra gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số uỷ viên. Trưởng Ban Kiểm tra là uỷ viên Ban Thường vụ.

2. Ban Kiểm tra có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Kiểm tra, giám sát các tổ chức thuộc Hội và hội viên trong việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết của Đại hội, các chủ trương và chương trình công tác của Hội;

b) Kiểm tra hoạt động tài chính của Hội theo quy định của Điều lệ Hội và các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Kiểm tra hoạt động của Văn phòng Hội và các ban chuyên môn của Hội;

d) Xem xét và kiến nghị Ban Thường vụ giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có) trong nội bộ Hội;

e) Đề xuất, kiến nghị với ban lãnh đạo Hội xử lý các vi phạm theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

g) Trong khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Ban Kiểm tra có quyền yêu cầu các tổ chức, cơ sở của Hội cung cấp mọi thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan đến những vấn đề thuộc phạm vi kiểm tra, giám sát.

Điều 17. Văn phòng Hội, các ban chuyên môn và các tổ chức thuộc Hội

1. Văn phòng Hội, các ban chuyên môn và các tổ chức trực thuộc Hội do Ban Thường vụ đề nghị và Chủ tịch ra quyết định thành lập; Chánh Văn phòng, trưởng các ban chuyên môn, tổ chức trực thuộc do Ban Thường vụ đề nghị và Chủ tịch quyết định bổ nhiệm;

2. Các ban chuyên môn và Văn phòng Hội là bộ phận giúp việc Ban Thường vụ và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội hoặc một Phó Chủ tịch Hội theo phân công của Chủ tịch Hội.

3. Tuỳ theo nhu cầu công tác, Ban Thường vụ có thể thành lập các tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội. Việc thành lập và bổ nhiệm chức danh lãnh đạo các tổ chức trực thuộc Hội phải tuân theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương V

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 18. Khen thưởng

1. Hội viên, các ban chuyên môn, tổ chức thuộc và trực thuộc Hội có thành tích xuất sắc trong hoạt động của Hội sẽ được Chủ tịch khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

2. Ban Thường vụ quy định cụ thể thủ tục, quy chế tiêu chuẩn và các hình thức khen thưởng.

Điều 19. Kỷ luật

1. Hội viên hoạt động trái với Điều lệ của Hội, làm tổn hại uy tín của Hội, chống lại tôn chỉ, mục đích của Hội thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị Ban Thường vụ xem xét khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội. Nếu hội viên là ủy viên Ban Chấp hành thì đề nghị Ban Chấp hành xem xét, quyết định hình thức kỷ luật.

2. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể nội dung, trình tự, thủ tục và hình thức kỷ luật của Hội.

Chương VI

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 20. Tài sản của Hội

1. Tài sản của Hội gồm: nhà cửa, phương tiện làm việc phục vụ cho hoạt động hội và các tài sản khác (nếu có).

2. Văn phòng Hội có trách nhiệm quản lý, bảo quản, sử dụng tài sản đúng mục đích và có hiệu quả.

3. Nếu tài sản bị hư hỏng, không thể sửa chữa để tiếp tục sử dụng được thì Văn phòng Hội làm thủ tục thanh lý trình Chủ tịch Hội quyết định.

Điều 21. Tài chính của Hội

1. Các nguồn thu của Hội:

a) Hội phí của hội viên thu mỗi năm một lần (mức thu cụ thể do Ban Chấp hành quy định);

b) Thu nhập từ các hoạt động nghiệp vụ của Hội như: Dịch vụ, tư vấn, xuất bản, huấn luyện và thu nhập hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

c) Nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi của Hội:

a) Chi cho các hoạt động thường xuyên của Văn phòng Hội;

b) Chi khen thưởng;

c) Chi thông tin, tuyên truyền, xuất bản, hội nghị, hội thảo;

d) Chi bảo dưỡng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của Hội;

- e) Chi cho các hoạt động do Hội chủ trì hoặc tham gia chủ trì;
- g) Hỗ trợ hoạt động cho các hội thành viên (nếu điều kiện kinh phí cho phép);
- h) Chi hợp pháp khác (nếu có).

Các khoản chi của Hội đảm bảo quy định của pháp luật.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội

1. Tài sản, tài chính của Hội được quản lý, sử dụng theo quy chế tài chính của Hội và tuân thủ theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Hội phải được kiểm toán, báo cáo trong hội nghị Ban Chấp hành, trong Đại hội nhiệm kỳ của Hội và công khai theo quy chế tài chính của Hội.

3. Khi Hội bị giải thể, Ban Thường vụ và Ban Kiểm tra phải tiến hành kiểm kê tài sản, kiểm quỹ và báo cáo Ban Chấp hành quyết định việc xử lý tài sản, tiền tồn quỹ và tiến hành thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Bóng Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này, gồm 07 (bảy) Chương, 24 (hai mươi bốn) Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Hội Bóng Việt Nam thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2011 tại thành phố Hà Nội và chính thức có hiệu lực thi hành theo quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về hội và Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Bóng Việt Nam được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt, Ban Chấp hành Hội Bóng Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện bản Điều lệ này. /.